LUYỆN TỪ VÀ CÂU: TỪ CHỈ ĐẶC ĐIỂM

Soạn bài luyện từ và câu tuần 15 SGK Tiếng Việt 2

Câu 1. Dựa vào tranh và trả lời câu hỏi :

a) Em bé thế nào? (xinh, đẹp, dễ thương....)

b) Con voi thế nào? (khỏe, to, chăm chỉ....)

c) Những quyển vở thế nào? (đẹp, nhiều màu, xinh xắn....)

d) Những cây cau thế nào? (cao, thẳng, xanh tốt,...)

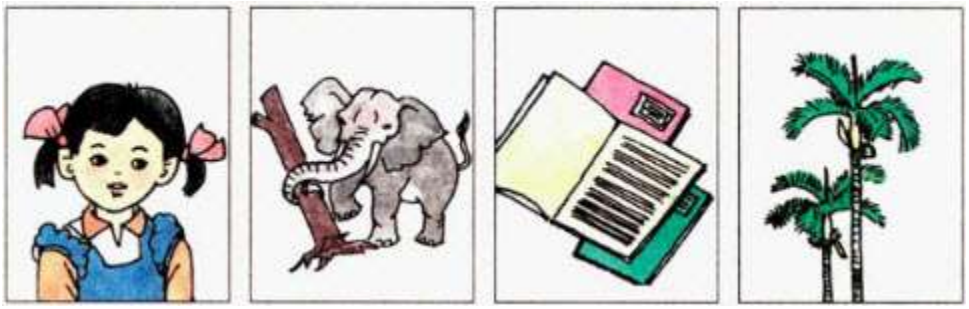

Trả lời

a. Em bé rất dễ thương.

b. Con voi trông thật khỏe.

c. Những quyển vở rất xinh xắn.

d. Cây cau rất cao và thẳng.

>> Bài trước: Soạn bài tập đọc bé hoa

Câu 2. Tìm những từ chỉ đặc điểm của người và vật.

a) Đặc điểm về tính tình của một người — M: tốt, ngoan, hiền

b) Đặc điểm về màu sắc của một vật — M: trắng, xanh, đỏ

c) Đặc điểm về hình dáng của người, vật — M: cao, tròn, vuông

Trả lời

a) Một số đặc điểm về tính tình con người như: thật thà, hài hước, vui vẻ, ngoan ngoãn, hiền hậu, đanh đá, keo kiệt, …

LUYỆN TỪ VÀ CÂU: TỪ CHỈ ĐẶC ĐIỂM

b) Một số đặc điểm về màu sắc của một vật: xanh, đỏ, tím, vàng, nâu, đen, trắng, xanh biếc, xanh lam, xanh dương, đo đỏ, đỏ tươi, vàng tươi, tím biếc, trắng tinh, trắng ngần, …

c) Một số đặc điểm về hình dáng của người, vật : cao lớn, thấp bé, lùn, béo, mũm mĩm, gầy gò, cân đối, vuông vắn, tròn xoe, …

Câu 3. Chọn từ thích hợp rồi đặt câu với từ ấy để tả :

a. Mái tóc của ông (hoặc bà) em : bạc trắng, đen nhánh, hoa râm , …

b. Tính tình của bố (hoặc mẹ) em : hiền hậu, vui vẻ, điềm đạm,…

c. Bàn tay của em bé : mũm mĩm, trắng hồng, xinh xắn,…

d. Nụ cười của anh (hoặc chị) em : tươi tắn, rạng rỡ, hiền lành,…

Trả lời

Ai (cái gì, con gì)	Thế nào ?
Mái tóc ông em	đã ngả màu hoa râm.
Mái tóc bà	dài và bồng bềnh như mây.
Bố em	rất hài hước.
Mẹ em	là người phụ nữ hiền hậu.
Bàn tay bé Na	mũm mĩm và trắng hồng.
Nụ cười của chị em	lúc nào cũng tươi tắn.

***Xem thêm bài tập tiếp theo: Soạn bài tập đọc Bán chó trang 124 SGK Tiếng Việt 2